

## NGHIÊN CỨU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM RIÊNG CỦA THƠ CA DÂN TỘC THÁI THỜI KỲ HIỆN ĐẠI

Vũ Thị Vân (Khoa KH Tự nhiên & Xã hội - ĐH Thái Nguyên)

Trần Thị Việt Trung (ĐH Thái Nguyên)

Là một bộ phận hợp thành của nền văn học Việt Nam, thơ ca các dân tộc thiểu số đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển chung của nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Điều này đã được Nghị quyết Trung ương V (khoá VIII) khẳng định “...văn học các dân tộc thiểu số có bước tiến đáng kể. Đội ngũ những nhà văn hoá người dân tộc thiểu số phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, đã có những đóng góp quan trọng vào hầu hết các lĩnh vực văn học nghệ thuật...”. Thực tế cho thấy, thơ ca các dân tộc thiểu số đã trở thành một phần không thể thiếu được trong nền thơ ca dân tộc! Diện mạo của nền thơ ca Việt Nam hiện đại chỉ có thể được nhìn nhận một cách trọn vẹn trong một chỉnh thể thống nhất mà đa dạng, phong phú bao gồm trong đó có thơ ca các dân tộc thiểu số.

Năm 1945 là mốc quan trọng đánh dấu sự ra đời, hình thành và phát triển của thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại, trong đó có thơ ca dân tộc Thái. Giống như một số các dân tộc thiểu số khác, trước năm 1945, thơ ca Thái chủ yếu tồn tại ở dạng truyện thơ, ví dụ như các truyện thơ *Xống chụ xôn xao*, *Khun lú-Nàng ủa*, *Tản chụ xiết sương*. Trong đó, truyện thơ *Xống chụ xôn xao* đã được đánh giá là “một trong những tác phẩm xuất sắc nhất trong kho tàng thơ ca trữ tình cổ truyền các dân tộc thiểu số Việt Nam” [1, tr.169]... Đến thế kỷ XIX, nghệ nhân Ngân Văn Hoan với tác phẩm “*Lời hát nền Văn Hoan*” đã đóng vai trò là bước chuyển tiếp giữa thơ ca dân gian và thơ ca dân tộc Thái hiện đại, chuẩn bị những tiền đề quan trọng để hình thành và phát triển thơ ca dân tộc Thái hiện đại nói riêng và thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại nói chung.

Được nuôi dưỡng trong chiếc nôi văn hoá giàu bản sắc, thơ ca dân tộc Thái hiện đại đã đạt được những thành tựu đáng kể. Đội ngũ các nhà thơ Thái ngày càng đông đảo hơn, số lượng tác phẩm ngày càng phong phú hơn, nhiều cây bút đã đạt được những thành công đáng ghi nhận.

Hiện nay, việc nghiên cứu, đánh giá về thơ văn dân tộc thiểu số nói chung và thơ ca dân tộc Thái nói riêng đã thu hút được sự quan tâm nhất định của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Tuy nhiên, so với số lượng các công trình nghiên cứu đồ sộ về thơ ca Việt Nam hiện đại thì số lượng tác phẩm, công trình tổng kết, đánh giá về thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam còn rất khiêm tốn. Trong đó, số lượng các bài viết, các công trình nghiên cứu, phê bình về thơ ca dân tộc Thái lại càng ít ỏi. Có một số những công trình, bài viết đã nêu lên được những thành tựu, những đóng góp của thơ ca các dân tộc thiểu số, trong đó có đề cập đến thơ Thái hiện đại, nhưng mới chỉ dừng lại ở mức độ sơ tầm, giới thiệu về thơ dân tộc Thái với một số những gương mặt, những tác phẩm tiêu biểu. Ví dụ trong các công trình nghiên cứu: *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam* (Nxb VHDT, 1997), *Về một mảng văn học dân tộc* (Nxb VHDT, 1999), *Văn học và miền núi* (Nxb VHDT, 2002) của Lâm Tiến, *Hoa văn thổ cẩm* (Nxb VHDT, 1999), *Thơ của các nhà thơ dân tộc thiểu số* (Nxb VHDT, 2001), *Vấn đề đặt ra với các nhà thơ dân tộc thiểu số* (Nxb VHDT, 2002) của Lò Ngân Sủn ...và một số bài viết về văn học các dân tộc thiểu số đăng trên các báo, tạp chí như: *Văn học thiểu số trước thềm thế kỷ XXI* của Mai Liễu, *Bản sắc dân tộc- Nỗi lo của người cầm bút* của Triệu Kim Văn; *Nét mới của văn học các dân tộc thiểu số* của Dương Thuận; *Nhìn lại văn nghệ các dân tộc thiểu số* của Nông Quốc Bình; *Kế thừa và phát huy vốn văn hoá dân tộc trong sáng thơ của các tác giả dân tộc thiểu số hiện nay* của Vương Anh

hay Văn học các dân tộc thiểu số còn một khoảng trống của Trần Thảo... Chính vì vậy, chúng tôi muốn đi sâu nghiên cứu vấn đề này nhằm mục đích tìm ra những đặc điểm riêng của thơ ca dân tộc Thái thời kỳ hiện đại, khẳng định những đóng góp quan trọng của nó đối với sự phát triển nền thơ ca các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Có thể nói, sau hơn nửa thế kỷ phát triển, thơ ca dân tộc Thái hiện đại đã đạt được những thành tựu đáng được ghi nhận cả về số lượng lẫn chất lượng đội ngũ và tác phẩm. Nó đã khẳng định được vị thế vững chắc của mình trong đời sống thơ ca các dân tộc thiểu số nói riêng, trong thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung.

Về đội ngũ: các nhà thơ dân tộc Thái ngày càng đông đảo hơn. Với số lượng nhà thơ ban đầu khiêm tốn chỉ là vài ba người như: Cẩm Biều, Lương Quy Nhân, Hoàng Nó - đến thế hệ nhà thơ trưởng thành sau năm 1954 như: Vương Trung, Lò Văn Cây, La Quán Miên..., và đặc biệt thế hệ các nhà thơ trẻ xuất hiện sau năm 1975 như: Lò Vũ Vân, Lò Cao Nhum, Cẩm Bá Lai, Cà Thị Hoàn, Lò Ngọc Duyên... dần dần đã hình thành nên một đội ngũ các nhà thơ dân tộc Thái hiện đại khá đông đảo và hùng hậu. Đội ngũ đó ngày càng trưởng thành và các sáng tác của họ ngày càng phong phú và chất lượng hơn, được bạn đọc đón nhận một cách nhiệt thành.

Là những nhà thơ thuộc các vùng, miền khác nhau: La Quán Miên đến từ khúc ruột miền Trung đầy nắng và gió, Lò Cao Nhum đến từ vùng quê của dòng sông Đà dữ dội và trữ tình, Cẩm Biều, Lương Quy Nhân, Lò Văn Cây... lại đến từ xứ sở bạt ngàn hoa Ban trắng và những đỉnh núi cao chọc trời .... Họ đến với “đường thơ” từ các hoàn cảnh khác nhau, có người “không qua trường lớp” mà “học trong dân ca, sách cổ” [3, tr.55] như: Cẩm Biều, Lương Quy Nhân...; Có người được học hành cơ bản trong trường viết văn Nguyễn Du như Vương Trung...; Có người xuất thân từ nghề “công an, kế toán, giáo viên” như: Lò Cao Nhum, La Quán Miên..., nhưng ở họ đều có điểm chung là “lấy sáng tác làm nguồn vui” [3, tr.56], vì vậy, với các nhà thơ Thái hiện đại, làm thơ là một thứ lao động nghệ thuật thực sự vất vả và nghiêm túc và đầy đam mê “Mồ hôi đã quện máu đào nàng thơ” (Cẩm Biều).

Cùng với sự lớn mạnh của đội ngũ, số lượng tác phẩm của các nhà thơ Thái ngày càng phong phú hơn. Vượt xa con số những bài thơ ít ỏi ban đầu, thơ Thái ngày càng dày dặn và xuất hiện thường xuyên hơn trên thi đàn. Phần lớn các nhà thơ Thái đều có những tập thơ riêng: Cẩm Biều có “Ánh hồng Điện Biên” (1984); *Bản mừng nhớ ơn* (1993), *Peo fẫy mí mọt* (Ngọn lửa không tắt-1994), *Mừng chanh há* (1995), *Pông hặc* (1995); Lương Quy Nhân có “*Cán bộ với dân Mường*” (1963) “*Biên giới lòng người*” (1983); “*Độ dày của tình yêu*” (1994); Hoàng Nó có “*Tiếng hát mừng ban*” (1987); Lò Văn Cây “*Hạt muối hạt tình*”; Vương Trung sáng tác truyện thơ “*Ing éng*” (1967) và trường ca *Sóng Nậm róm* in chung cùng 16 bài thơ trong tập thơ *Sóng Nậm róm* (1979); La Quán Miên có *Bản quê ta yêu dấu* (1996), *Con đường bản Đôn* (1999); Cẩm Bá Lai có tập thơ *Hoa và nắng*; Lò Vũ Vân sau một số bài thơ in chung trong tập thơ *Vòng xoè* (1980) tiếp tục sáng tác *Tiếng sấm vào mùa* (1998), *Nhật hoa trắng* (2000), *Đi từ miền gió hoang* (2006). Cây bút trẻ Lò Cao Nhum với *Giọt sao trở về* (1995), *Rượu núi* (1996), *Sàn trắng* (2000), *Theo lời hát về nguồn* (2001)...Có thể thấy, số lượng các tác phẩm thơ Thái ngày càng nhiều và chất lượng tác phẩm ngày càng được nâng cao. Nhiều bài thơ của các tác giả dân tộc Thái được bạn đọc yêu mến, thừa nhận; nhiều tác phẩm, tập thơ được trao những giải thưởng có

uy tín như: *Ngọn lửa không tắt* (Cầm Biêu) - đạt Giải A của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam 1995, *Hoa và nắng* (Cầm Bá Lai) được trao giải B của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 1997; *Rượu núi* của Lò Cao Nhum đạt giải C cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ quân đội, Giải A Giải thưởng văn học nghệ thuật Hoà Bình 50 năm, (1998)... Đó không chỉ là sự thừa nhận về chất lượng nghệ thuật của thơ ca Thái mà còn là sự khẳng định vị trí cũng như những đóng góp của thơ Thái đối với nền thơ ca dân tộc Việt Nam hiện đại.

Có thể dễ nhận thấy, trong thơ dân tộc Thái hiện đại, trên cả hai phương diện: nội dung và nghệ thuật- "*chất Thái*" được thể hiện rất rõ nét và in đậm dấu ấn trong từng sáng tác của các nhà thơ dân tộc này.

Về nội dung: Ta thấy nổi bật là hình ảnh của thiên nhiên, núi rừng Tây Bắc- với những dãy núi trùng điệp như "*thang mây lên trời*" (Luong Quy Nhân), những con dốc cheo leo "*Vừa ngửa mặt.... Mũi đội đầu đã rơi theo về chân dốc*" (Luong Quy Nhân), những ngọn nguồn của dòng sông, con suối dữ dội "*cuồn cuộn một góc trời*" mà cũng rất hiền hoà, nên thơ "*tung sóng như đổ bóng xuống đồng*" (Vương Trung), những cánh đồng lúa Mường Thanh, Mường Lò trù phú "*bông dày, nặng hạt*" có hương thơm "*thức tỉnh mừng bản*" (Vương Trung), những nương bông trắng xoá khi đến mùa thu hoạch, những cánh đồng cỏ bao la "*ánh lên màu mè mơ*" (Lò Vũ Vân) hay những cánh rừng Ban "*trắng non ngàn*" (Cầm Cường)... đã đi vào thơ Thái với vẻ đẹp tự nhiên vốn có của nó.

Lồng trong khung cảnh thiên nhiên nên thơ, lãng mạn ấy là bức tranh về bản làng của người Thái. Ứn hiện trong sương là những mái nhà sàn bình dị, ẩm cúng, làn khói lam thoang thoang gió đồng, lách cách tiếng thoi đưa, lóc cóc tiếng mõ trâu đàn về bản... Tất cả làm nên một vẻ đẹp trong trẻo, bình yên, sắc màu rực rỡ đậm đà như một bức tranh sơn thuỷ của một vùng quê miền núi giàu bản sắc.

Hoàn cảnh địa lý và môi trường tự nhiên tươi đẹp ấy mặc dù không phải là yếu tố duy nhất có tính quyết định đến sắc thái văn hoá vùng Tây Bắc, song rõ ràng nó đã tham gia vào việc hình thành và tạo dựng nên những nét văn hoá đặc thù của con người nơi đây.

Trên cái nền thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, hùng vĩ, hoang sơ ấy là hình ảnh con người với những nét đặc trưng của dân tộc Thái. Tiêu biểu cho "*chất vàng mười trong tâm hồn Tây Bắc*" (Nguyễn Tuân) ấy là hình ảnh người phụ nữ Thái xinh đẹp, dịu dàng, hay lam hay làm, khéo tay, tài hoa và chiều chồng thương con nhất mực. Những cô gái Thái với đôi bàn tay thon "*hình búp Ban*" đã làm nên bao điều kỳ diệu cho cuộc sống, cho gia đình: "*Đụng vào khung cử vải thành hoa/ Tung nắm tấm thành ra đàn gà*" hoặc: "*Ngôi xóm thêu được hình chim phượng/ Ngôi nghiêng quay sợi thành chùm hoa xo xe*" (Ca dao Thái). Người con gái Thái với đôi bàn tay khéo léo đã tạo ra những món ăn ngon đặc biệt của dân tộc Thái, đó là những ép xôi nếp "*dẻo thơm*", món cá nướng ngọt, bùi, những hũ rượu cần thơm ngọt ngây ngất; Họ đã tạo nên bộ trang phục "*xửa cóm*" với hàng cúc bạc như những con bướm trắng đẹp xinh, những chiếc khăn "*Piêu*" rực rỡ hoạ tiết, sắc màu. Rồi cũng vẫn những người con gái đẹp như những cánh hoa Ban ấy- khi quê hương, làng bản bị giặc ngoại xâm đe dọa và phá hoại- họ trở nên cứng cỏi, kiên cường, mạnh mẽ "*hơn cả con gấu, con hùm*" (Em là con gái Châu Yên), góp phần hoặc trực tiếp đánh đuổi kẻ thù, gìn giữ quê hương, sông suối, đồng ruộng... Tất cả những hình ảnh ấy đã được phản ánh một cách sinh động và tự hào trong những trang thơ của những nhà thơ Thái nhiều thế hệ.

Trong thơ Thái hiện đại, người đọc không chỉ thấy được bức tranh thiên nhiên tươi đẹp và những con người cần cù, tài hoa, khéo léo mà còn cảm nhận được đời sống văn hoá tinh thần rất phong phú, đa dạng của người Thái qua những câu thơ, bài thơ phản ánh những hình thức sinh hoạt cộng đồng của người Thái. Ngoài những lễ hội: “Xíp xí”, “Xén Xó Phón”, “Xên bản, xên Mường”... thì một hình thức sinh hoạt không thể thiếu của người Thái đó là sân chơi “Hạn khuống” (Hát giao duyên trên sàn sên):

*Hạn khuống nhỏ nhóm lửa đưa tài  
Và trên sàn, sánh trắng rằm đôi lúa, lúa đôi.*

(Cầm Biều)

“Hạn khuống” chính là nơi lưu giữ những bản sắc văn hoá truyền thống quý báu của tộc người Thái vì “*Những câu chuyện cổ/ Tục ngữ, tiếu lâm...*” cùng những bài hát đối đáp giao duyên... được diễn xướng ở sân chơi “Hạn khuống”.

Vốn rất yêu mến và có năng khiếu văn nghệ, người Thái rất say mê múa xoè: “*Không xoè không tốt lúa. Không xoè thóc cạn bờ*”. Múa xoè được ví như loại rượu nếp men lá rừng, là món ăn tinh thần không thể thiếu trong sinh hoạt cộng đồng của người Thái. Khi khúc dân ca “*Inh lã ơi! Xao noọng ơi!*” quen thuộc được cất lên là bắt đầu một đêm xoè hoa rực rỡ. Sau những ngày lao động vất vả, đêm đêm dưới ánh trăng, bên ánh lửa bập bùng...trong không khí ấy thân tình ấy, con người quên đi những mệt nhọc, buồn lo và thêm yêu cuộc sống. Khi tham gia vòng xoè, trai gái được gần nhau, được lựa chọn bạn xoè, thể hiện tình cảm riêng tư... Vì vậy vòng xoè gắn kết tình cảm con người với nhau, làm cho con người gần gũi, yêu quý nhau hơn, lãng mạn và bay bổng hơn:

*Tiếng đàn “tính tẩu” chàng trai trẻ  
Gậy nhịp lằng lằng “noọng gái” xoè*

(Cầm Cường)

Có thể khẳng định rằng: các nhà thơ Thái thời kỳ hiện đại đã phản ánh được một cách chân thực, sinh động hình ảnh của thiên nhiên, cuộc sống, con người dân tộc mình vào trong các trang thơ của chính mình. Những trang thơ ấy càng trở nên ấn tượng hơn, lung linh hơn, thu hút được sự yêu mến và say mê của người đọc hơn bởi một hình thức nghệ thuật thơ đặc sắc mang “màu” Thái đậm đà.

Tiếp thu tinh hoa của thể loại truyện thơ dân gian, các nhà thơ Thái hiện đại đã đem đến cho thơ ca Thái một “*không khí*” truyện thơ mới. Trong rất nhiều các sáng tác của thơ ca Thái hiện đại, chất tâm tình của truyện thơ thể hiện rất rõ nét:

*- Hỡi anh ơi! Người chồng em ngàn năm yêu dấu  
Nghĩ tới anh, em những héo hơn lòng.*

(Cầm Biều)

*- Tạm biệt em, em hỡi, lòng đừng úa  
Chớ cho lời ta bay theo gió, lòng ta sẽ buồn.*

(Lò Văn Cây)

Có thể thấy, truyện thơ dân gian đã có ảnh hưởng rất lớn đối với thơ ca Thái hiện đại. Ngoài những bài thơ, câu thơ của: Cầm Biêu, Lương Quy Nhân, Lò Văn Cậy, La Quán Miên hay Lò Cao Nhum mang dấu ấn khá rõ của truyện thơ thì Vương Trung là nhà thơ có sự kế thừa rõ nét nhất về mặt thể loại qua truyện thơ *Ing-Éng*.

Nhà thơ Vương Trung đã kế thừa và vận dụng kết cấu truyện thơ (*Xống chụ xôn xao, Khum lú- Nàng ủa, Tản chụ xiết sương...*) vào *Ing- éng*. Đọc tác phẩm, ta thấy có nhiều nét gần gũi so với truyện thơ dân gian. Nếu “*Anh yêu*” và “*Em yêu*” trong *Tiến dặn người yêu*: “*nưh gốc cải xanh*”, “*lón cùng thời*”, “*Yêu nhau từ thửa mới ra đời/ Trao duyên, gửi nghĩa từ ngày còn thơ*” thì *Ing* và *Éng* cũng gắn bó với nhau “*nưh đưa sinh ra leo cùng giàn*”, thửa nhỏ ngồi “*cùng lớp, cùng bàn*”, cùng “*đến trường thầy*”, lớn lên “*cùng ghé mây góc sàn nhà mẹ*”.... *Ing- Éng* cũng phải trải qua những trắc trở, sóng gió trong tình yêu và cuối cùng cũng được đoàn tụ giống như mô típ cặp nhân vật “*Anh yêu*” và “*Em yêu*” trong *Tiến dặn người yêu*.

Trong tác phẩm *Ing- Éng*, cũng có những trường đoạn “*tiến dặn*”, tuy không phải “*tiến dặn*” người yêu đi lấy chồng như trong *Tiến dặn người yêu* nhưng rõ ràng, dấu ấn truyện thơ dân gian đã thấm đẫm trong *Ing- Éng*:

- “*Thấy mía ngọt ðừng khát,  
Gặp áo mới người khác ðừng thay...  
Đừng bay theo lời ngọt người quyến*”

Tuy có sự ảnh hưởng của thể loại truyện thơ nhưng truyện thơ của Vương Trung ít sử dụng những thủ pháp khoa trương, phóng đại như trong truyện thơ dân gian. Ông viết về những con người của đời thường, những vấn đề của hiện thực với sự dung dị, chân chất:

“*Dù người khác mặc áo ðỏ cánh kiến  
Không bằng người yêu mặc áo nhuộm chàm  
Đã yêu ăn rau ðền thay bữa  
Không yêu, uống rượu càng ðắng tim gan...*”

(*Ing- Éng*)

Bên cạnh đó, các nhà thơ Thái hiện đại cũng rất chú ý đến việc vận dụng tục ngữ, ca dao, dân ca Thái vào trong các sáng tác nhằm tăng tính hàm súc, biểu cảm cho câu thơ và hình ảnh thơ:

Người Thái có câu tục ngữ:

- “*Được nắm xôi ngon chớ quên ruộng  
Được khúc cá bùi chớ quên suối*”  
- “*Cá sẩy không trở lại ðể  
Gà sẩy không trở lại gáy*”

Và người ta đã nhận thấy “*hồn vía*” của câu tục ngữ ấy trong vần thơ của các nhà thơ Thái hiện đại:

- “*Được lúa chớ quên ruộng.  
Được cá chớ quên nưm*”

- *“Bây giờ thì dường như  
Cá sấu khô biết đẻ  
Gà sấu khô biết gáy...”*

(Lương Quy Nhân)

Hay trong văn học dân gian Thái có rất nhiều câu thơ ca ngợi đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ Thái như:

*“Úp bàn tay nên hoa  
Ngửa bàn tay thành bông”*

Nhà thơ Vương Trung, Sầm Nga Di ... cũng đã có những vần thơ ca ngợi đôi bàn tay đảm đang khéo léo của người phụ nữ Thái :

- *“Ngửa bàn tay thành sao tua rua.  
Bay lấp lánh cánh đồng rộng rãi”*  
- *“Khi em xoè tay trái  
Vãi nhiều tấm quăng ra...  
Em xoè bàn tay phải  
Gà tục tác để trứng tròn”*

Ngoài ra, những làn điệu “khắp”: *“khắp dân ca mừng Pa xe bện, điệu đưa đũa chèo thuyền sông Mã, khắp tiễn đưa bên bến Nậm Tề”*...[3, tr.416] đã nuôi dưỡng tâm hồn các nhà thơ Thái, góp phần tạo nên những câu thơ giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh làm say lòng người:

- *“Người ơi người chớ hẹn xuông  
Để cho gió bẻ mất buồng cau non  
Dẫu cho rừng kiết núi mòn  
Câu thơ tình nặng sắc son lời nguyện”*

(Câu hát ví mùa xuân - Lò Vũ Vân)

Trong sáng tác của mình, các nhà thơ Thái hiện đại rất chú ý đến việc phản ánh các hiện tượng, sự vật, sự việc... theo cách diễn đạt, cách tư duy của người Thái. Đó là cách nói giàu chất ví von, so sánh và giàu hình ảnh, đôi khi tạo nên sự liên tưởng đầy thú vị:

*Núi già, núi có râu dây cầm  
Núi có máu, có xương núi sống...*

(Núi-Lương Quy Nhân)

Hình ảnh ngọn núi có *“râu dây cầm”* cho thấy cái nhìn rất dí dỏm của nhà thơ. Ngọn núi trở nên sinh động, có sức sống, có tuổi tác, có linh hồn và thật gần gũi thân quen.

Hoặc trong bài *“Thư tết gửi cho anh”*, vẫn cách so sánh, ví von ấy, nhà thơ đã cho ta thấy một cách nói, cách diễn đạt rất độc đáo của người miền núi:

*Em làm ra ngô để bấp ngô to bằng sừng trâu  
Em làm ra lúa để bông lúa to bằng gà voi...*

(Lương Quy Nhân)

Hình ảnh “*bấp ngô to bằng sừng trâu*”, “*bông lúa to bằng ngà voi*” có vẻ rất phi lý nhưng lại rất dễ được chấp nhận bởi nó xuất hiện trong một niềm mong đợi, một sự khao khát về một cuộc sống ấm no, đầy đủ với hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ Thái.

Các nhà thơ Thái rất hay hình ảnh hoa Ban để diễn đạt tình cảm và tâm trạng và tình yêu đôi lứa của dân tộc mình. Với người Thái, mùa hoa Ban nở là mùa của lễ hội, mùa của tình yêu, là “*mùa thiêng*” của dân tộc: “*Tình ta đẹp như mùa ban nở*” (Sâm Nga Di). Hình ảnh hoa ban chính là biểu tượng, là bản sắc trong thơ Thái hiện đại.

Với việc sử dụng những câu thơ giàu hình ảnh, các nhà thơ Thái không chỉ cho thấy cách diễn đạt quen thuộc của người dân tộc Thái, mà thông qua đó cách cảm, cách nghĩ, thế giới tâm hồn và đời sống sinh hoạt, tập quán, tín ngưỡng của người Thái cũng được thể hiện sinh động và rõ nét.

Đối với người dân tộc Thái, sân chơi “*hạn khuống*” đã trở thành một biểu tượng của nếp sinh hoạt văn hoá truyền thống của dân tộc. Nó đã trở thành máu thịt của cái “*cơ thể tinh thần*” Thái. Chính vì vậy, khi giặc tàn phá quê hương, nỗi đau đớn của người Thái tăng lên gấp bội. Bởi không phải chỉ mất bản làng, mất núi rừng, đồng ruộng...mà mất đi cả “*linh hồn*” của quê hương:

*Sàn ngắm trăng quanh lưu hoang vắng,  
Nơi họp chợ thành rừng cà gai,  
Khuống đâu bản vắng cây tính tẩu,  
Sàn giữa mường im tiếng bật bông.*

(Cầm Biều)

Hoặc hình ảnh “*khăn Piêu*” cũng vậy! Đó là một nét đẹp đặc trưng của người con gái Thái. Nếu một mai nét đẹp đặc trưng ấy mất đi thì “*tâm hồn Thái*” đã gìn giữ ngàn năm nay cũng không còn nguyên vẹn:

*“Váy hoa đã khác  
Khăn “piêu” còn đâu...”*

(La Quán Miên)

Có thể thấy rằng, các nhà thơ Thái đã rất chú ý đến việc vận dụng và phát huy hiệu quả những tinh hoa của nghệ thuật thơ ca dân gian Thái (truyện thơ, tục ngữ, ca dao, dân ca...) vào trong các sáng tác cụ thể của mình. Cùng với cách cảm, cách nghĩ, cách diễn đạt gắn gũi với lời ăn tiếng nói của người Thái khiến cho thơ của họ mang một nét riêng. Đó chính là bản sắc Thái khó có thể trộn lẫn. Và điều đó đã làm cho thơ Thái vừa có tính truyền thống, vừa có tính hiện đại, có sức hấp dẫn riêng đối với người đọc nhiều thế hệ.

Tóm lại, với tình yêu và niềm tự hào với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình, các nhà thơ dân tộc Thái thời kỳ hiện đại đã phản ánh vào trong những tác phẩm của mình những hình ảnh về quê hương, đất nước, con người cùng những phong tục, tập quán mang đầy bản sắc. Đó là bức tranh thiên nhiên tươi đẹp đầy vẻ hùng vĩ, hoang sơ, bí ẩn và thơ mộng. Đó là những người con dân tộc Thái mà đại diện là người phụ nữ Thái dịu dàng, đảm đang, khéo léo, lãng mạn, xinh đẹp như những cánh hoa ban tinh khiết. Đó là những cảnh sinh hoạt văn hoá tinh thần phong phú với những điệu “*xoè*”, điệu “*khấp*” và sân chơi “*hạn khuống*”...cùng bao phong tục của người Thái từ ngàn xưa đến nay vẫn còn được gìn giữ, lưu truyền. Tất cả những hình ảnh

ấy lại được thể hiện một cách sinh động, hấp dẫn, “vừa lạ, vừa quen” qua những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc. Những câu thơ, bài thơ ấy vừa có bóng dáng của truyện thơ cổ, vừa có những câu “thơ văn xuôi” hiện đại, vừa có giai điệu ngọt ngào, bay bổng của những điệu “khắp”, vừa có sự tình tứ của “điệu xoè”, vừa có chất mộc mạc của lời ăn tiếng nói hàng ngày của người miền núi, nhưng cũng có những câu thơ mang tính triết lý và chất trí tuệ sâu sắc.

Những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật ấy đã làm nên một nét đặc sắc riêng cho thơ ca Thái thời kỳ hiện đại.

Cũng chính sự đặc sắc này đã tạo cho thơ Thái một vị thế quan trọng trong đời sống thơ ca các dân tộc thiểu số nói riêng và góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú cho nền thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung. Hơn thế, trong xu thế hội nhập hiện nay, thơ Thái hiện đại như một tiếng nói hiện hữu của một bản sắc văn hoá đang được lưu giữ và trân trọng trong đời sống văn học của dân tộc Việt Nam. Đó là một điều đáng quý biết bao 📖

### Summary

#### **SOME TRAITS IN THE POETRY OF THAI ETHNIC GROUP IN THE MODERN TIME.**

In the modern poetry of Thai people, the nature of Tay Bac, Thai's fatherland, reveals as a charmingly picturesque landscape. Living in such a mild and dreamy natural environment, Thai people and especially Thai women appear to be very beautiful, charming, clever, and talented. Moreover, Thai people are also famous for their unique manners and customs such as “hạn khuông” and “mỳa xoố”, etc.

Bringing the achievements of folklore into plays, Thai poets have inherited and successfully made use of the art of poetic novel, fork-songs, proverbs, and “Khắp” tune, etc. in their modern poetry. Therefore, Thai poetic language is extremely rich in emotional expressions, musical tunes and images.

It can be said that the modern poetry of Thai ethnic group has obviously represented the “Thai's features” and their typically cultural characters through the unique expressions in both poetic contents and forms. As a result, Thai poetry has made a dramatic contribution to the plenty and diversity of the poetry of the ethnic groups in particular and Vietnamese modern literature in general.

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Nông Quốc Chấn chủ biên (1995), *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hoá Dân tộc.
- [2]. Nguyễn Mạnh Hào (2001), “*Suy nghĩ về bản sắc văn hoá dân tộc*”, Tạp chí Xưa và nay (số 9).
- [3]. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (2003), *Nhà văn các dân tộc thiểu số-Đời và văn*, Nxb Văn hoá Dân tộc.
- [4]. Hội Thái học Việt Nam (1992), *Kỷ yếu Hội thảo Thái học*, Nxb Văn hoá Dân tộc.
- [5]. Lâm Tiến (1995), *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, Nxb Văn hoá dân tộc.
- [6]. Lâm Tiến (2002), *Văn học và miền núi*, Nxb Văn hoá dân tộc.